

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 37 /QĐ-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 04 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Gói thầu: Mua vật tư phụ tùng sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025  
(GT03) ; thuộc kế hoạch Mua vật tư phụ tùng sửa chữa  
các thiết bị xe máy năm 2025

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2788/QĐ-CTCP397 ngày 31/12/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025 (GT03) do phòng Cơ điện vận tài lập ngày 02/01/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 02/01/2025 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025 (GT03);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 03/01/2025 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025 (GT03);

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025(GT03), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 9.861.093.100 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.
- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025(GT03).
- Giá trị gói thầu: 9.861.093.100 đồng. (*Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2025
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 11 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 11 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
- Tuỳ chọn mua thêm: Không có
- Giám sát đấu thầu: Không có

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sính**



**Phụ lục**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo quyết định phê duyệt số **379/QĐ-CTCP397** ngày **04/01/2025** của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên hàng hóa, vật tư	Mã danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Thuế VAT (%)	Thành tiền bao gồm VAT (VND)
1	Bu lông hãm trục cam	01010-81225	Cái	2	25.000	50.000	10	55.000
2	Bu lông các đăng	01050-61260	Cái	28	57.000	1.596.000	10	1.755.600
3	Gioăng ngăn kéo	02896-11009	Cái	160	24.000	3.840.000	8	4.147.200
4	Gioăng tròn	02896-11015	Cái	20	25.000	500.000	8	540.000
5	Gioăng tròn	02896-11018	Cái	40	25.000	1.000.000	8	1.080.000
6	Gioăng tròn	02896-21012	Cái	12	90.000	1.080.000	8	1.166.400
7	Gioăng tròn	02896-21015	Cái	40	82.000	3.280.000	8	3.542.400
8	Vòng bi bơm nước	06030-06205	Vòng	5	436.000	2.180.000	8	2.354.400
9	Vòng bi cụm tăng dây cu doa	06030-06207	Cái	3	631.000	1.893.000	8	2.044.440
10	Bi puli trung gian	06301-06306	Vòng	14	698.000	9.772.000	8	10.553.760
11	Vòng bi	06330-06208	Cái	10	878.000	8.780.000	8	9.482.400
12	Bi trục lai điều hòa-máy phát	06330-06307	Cái	1	1.216.000	1.216.000	8	1.313.280
13	Bi trục lai điều hòa-máy phát	06330-06309	Vòng	6	1.820.000	10.920.000	8	11.793.600
14	Bi puli cánh quạt	06337-06210	Vòng	6	1.213.000	7.278.000	8	7.860.240
15	Bi puli cánh quạt	06337-06311	Vòng	6	3.169.000	19.014.000	8	20.535.120
16	Vòng bi trục giảm chấn bánh đà động cơ	06340-06217	Vòng	5	3.278.000	16.390.000	8	17.701.200
17	Vòng bi bơm nước	06340-06305	Vòng	5	700.000	3.500.000	8	3.780.000
18	Gioăng ngăn kéo	07000-02055	Cái	13	73.000	949.000	8	1.024.920
19	Gioăng	07000-11009	Cái	40	23.000	920.000	8	993.600
20	Gioăng ngăn kéo	07000-12010	Cái	20	25.000	500.000	8	540.000
21	Gioăng ngăn kéo	07000-12011	Cái	23	25.000	575.000	8	621.000
22	Gioăng van điện điều khiển	07000-12016	Cái	13	24.000	312.000	8	336.960
23	Gioăng ngăn kéo	07000-12018	Cái	21	24.000	504.000	8	544.320
24	Gioăng	07000-12021	Cái	20	16.000	320.000	8	345.600
25	Gioăng ngăn kéo	07000-12055	Cái	15	68.000	1.020.000	8	1.101.600

26	Gioăng dây vỏ lọc hồi dầu thủy lực	07000-12060	Cái	4	71.000	284.000	8	306.720
27	Gioăng ngăn kéo	07000-12065	Cái	80	75.000	6.000.000	8	6.480.000
28	Gioăng ngăn kéo	07000-12070	Cái	12	78.000	936.000	8	1.010.880
29	Gioăng đường vào bơm điều khiển	07000-12075	Cái	10	80.000	800.000	8	864.000
30	Gioăng đường vào bơm 1,2	07000-12080	Cái	20	85.000	1.700.000	8	1.836.000
31	Gioăng đường vào bơm 3	07000-12095	Cái	17	90.000	1.530.000	8	1.652.400
32	Gioăng bình tích áp	07000-12100	Cái	30	91.000	2.730.000	8	2.948.400
33	Gioăng ngăn kéo	07000-13030	Cái	10	64.000	640.000	8	691.200
34	Gioăng ngăn kéo	07000-13032	Cái	40	61.000	2.440.000	8	2.635.200
35	Gioăng ngăn kéo	07000-13035	Cái	10	63.000	630.000	8	680.400
36	Gioăng ngăn kéo	07000-13038	Cái	23	63.000	1.449.000	8	1.564.920
37	Gioăng ngăn kéo	07000-13040	Cái	12	66.000	792.000	8	855.360
38	Gioăng ngăn kéo	07000-13042	Cái	20	65.000	1.300.000	8	1.404.000
39	Gioăng ngăn kéo	07000-13048	Cái	30	69.000	2.070.000	8	2.235.600
40	Gioăng ngăn kéo	07000-13050	Cái	17	76.000	1.292.000	8	1.395.360
41	Gioăng bình tích áp	07000-15090	Cái	30	162.000	4.860.000	8	5.248.800
42	Gioăng	07000-15180	Cái	4	226.000	904.000	8	976.320
43	Gioăng cao su	07000-15190	Cái	20	162.000	3.240.000	8	3.499.200
44	Gioăng tròn	07000-15210	Cái	10	190.000	1.900.000	8	2.052.000
45	Goăng cao su	07000-15290	Cái	4	220.000	880.000	8	950.400
46	Goăng cao su	07000-15310	Cái	4	240.000	960.000	8	1.036.800
47	Gioăng hộp giảm tốc quay toa	07000-15335	Cái	10	277.000	2.770.000	8	2.991.600
48	Gioăng	07000-15415	Cái	10	372.000	3.720.000	8	4.017.600
49	Gioăng phanh	07000-15455	Cái	10	388.000	3.880.000	8	4.190.400
50	Gioăng moay ơ sau	07000-15500	Cái	10	348.000	3.480.000	8	3.758.400
51	Gioăng tròn	07000-72020	Cái	3	51.000	153.000	8	165.240
52	Gioăng tròn	07000-72040	Cái	20	129.000	2.580.000	8	2.786.400
53	Gioăng tròn	07000-72065	Cái	2	65.000	130.000	8	140.400
54	Gioăng bơm nước	07000-72070	Cái	2	141.000	282.000	8	304.560
55	Gioăng tròn	07000-72075	Cái	7	175.000	1.225.000	8	1.323.000
56	Gioăng tròn	07000-72085	Cái	20	142.000	2.840.000	8	3.067.200
57	Gioăng bơm nước	07000-72095	Cái	5	183.000	915.000	8	988.200

58	Gioăng tròn	07000-72105	Cái	20	193.000	3.860.000	8	4.168.800
59	Gioăng cụm lai máy phát	07000-72115	Cái	5	178.000	890.000	8	961.200
60	Gioăng cụm lai máy phát	07000-72135	Cái	5	204.000	1.020.000	8	1.101.600
61	Gioăng cao su	07000-73028	Cái	1	130.000	130.000	8	140.400
62	Gioăng tròn van lái	07000-73032	Cái	4	135.000	540.000	8	583.200
63	Gioăng ống dầu bôi trơn	07000-73034	Cái	2	148.000	296.000	8	319.680
64	Gioăng tròn	07000-73038	Cái	20	137.000	2.740.000	8	2.959.200
65	Gioăng bầu phanh	07000-A2016	Cái	20	95.000	1.900.000	8	2.052.000
66	Gioăng ống nước	07000-A2075	Cái	20	196.000	3.920.000	8	4.233.600
67	Gioăng bơm thủy lực	07000-A2080	Cái	10	213.000	2.130.000	8	2.300.400
68	Gioăng mặt bích đầu bơm thủy lực số 3	07000-A2105	Cái	2	228.000	456.000	8	492.480
69	Gioăng ống nước	07000-A3039	Cái	10	159.000	1.590.000	8	1.717.200
70	Gioăng tròn	07000-A3042	Cái	2	171.000	342.000	8	369.360
71	Gioăng tròn	07000-A3050	Cái	10	184.000	1.840.000	8	1.987.200
72	Gioăng	07000-A5280	Cái	10	728.000	7.280.000	8	7.862.400
73	Gioăng	07000-B1009	Cái	5	59.000	295.000	8	318.600
74	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2010	Cái	5	59.000	295.000	8	318.600
75	Gioăng van bơm thủy lực	07000-B2011	Cái	26	59.000	1.534.000	8	1.656.720
76	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2012	Cái	110	58.000	6.380.000	8	6.890.400
77	Gioăng van bơm thủy lực	07000-B2014	Cái	5	59.000	295.000	8	318.600
78	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2015	Cái	30	62.000	1.860.000	8	2.008.800
79	Gioăng van bơm thủy lực	07000-B2018	Cái	18	62.000	1.116.000	8	1.205.280
80	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2021	Cái	24	62.000	1.488.000	8	1.607.040
81	Gioăng ngăn kéo	07000-B2055	Cái	15	181.000	2.715.000	8	2.932.200
82	Gioăng ngăn kéo	07000-B2060	Cái	25	186.000	4.650.000	8	5.022.000
83	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2065	Cái	12	190.000	2.280.000	8	2.462.400
84	Gioăng bơm thủy lực	07000-B2075	Cái	9	209.000	1.881.000	8	2.031.480
85	Gioăng bơm điều khiển	07000-B2135	Cái	20	271.000	5.420.000	8	5.853.600
86	Gioăng bơm thủy lực	07000-B3025	Cái	10	157.000	1.570.000	8	1.695.600

87	Gioăng van bơm thủy lực	07000-B3028	Cái	6	157.000	942.000	8	1.017.360
88	Gioăng bơm thủy lực	07000-B3032	Cái	56	146.000	8.176.000	8	8.830.080
89	Gioăng tròn	07000-B3035	Cái	40	157.000	6.280.000	8	6.782.400
90	Gioăng bơm thủy lực	07000-B3038	Cái	50	158.000	7.900.000	8	8.532.000
91	Gioăng ngăn kéo	07000-B3042	Cái	10	172.000	1.720.000	8	1.857.600
92	Gioăng bơm thủy lực	07000-B3045	Cái	60	178.000	10.680.000	8	11.534.400
93	Gioăng ngăn kéo	07000-B3048	Cái	110	126.000	13.860.000	8	14.968.800
94	Gioăng bơm thủy lực	07000-B5165	Cái	20	533.000	10.660.000	8	11.512.800
95	Gioăng	07000-E5160	Cái	5	864.000	4.320.000	8	4.665.600
96	Gioăng	07000-E5230	Cái	5	1.017.000	5.085.000	8	5.491.800
97	Gioăng đầu PTO	07000-E5500	Cái	5	1.552.000	7.760.000	8	8.380.800
98	Gioăng tròn	07000-F2055	Cái	10	307.000	3.070.000	8	3.315.600
99	Gioăng tròn	07000-F2060	Cái	10	291.000	2.910.000	8	3.142.800
100	Gioăng tròn	07000-F2130	Cái	20	424.000	8.480.000	8	9.158.400
101	Gioăng tròn	07000-F3032	Cái	12	251.000	3.012.000	8	3.252.960
102	Gioăng tròn	07000-F3035	Cái	20	255.000	5.100.000	8	5.508.000
103	Gioăng tròn	07000-F3038	Cái	20	273.000	5.460.000	8	5.896.800
104	Gioăng tròn	07000-F3042	Cái	10	292.000	2.920.000	8	3.153.600
105	Gioăng đường ống nước làm mát động cơ	07000-G2075	Cái	10	223.000	2.230.000	8	2.408.400
106	Gioăng bơm nước	07000-G2140	Cái	10	321.000	3.210.000	8	3.466.800
107	Gioăng ngăn kéo	07001-02010	Cái	20	39.000	780.000	8	842.400
108	Cần nhựa	07001-05190	Cái	20	184.000	3.680.000	8	3.974.400
109	Cần nhựa	07001-05210	Cái	10	504.000	5.040.000	8	5.443.200
110	Gioăng ngăn kéo	07002-10823	Cái	20	19.000	380.000	8	410.400
111	Gioăng tròn	07002-11023	Cái	20	19.000	380.000	8	410.400
112	Gioăng bơm thủy lực	07002-11423	Cái	115	25.000	2.875.000	8	3.105.000
113	Gioăng tròn	07002-11623	Cái	20	19.000	380.000	8	410.400
114	Gioăng ngăn kéo	07002-11823	Cái	10	25.000	250.000	8	270.000
115	Gioăng tròn	07002-12034	Cái	20	47.000	940.000	8	1.015.200
116	Gioăng bơm thủy lực	07002-12434	Cái	34	47.000	1.598.000	8	1.725.840
117	Gioăng cao su	07002-13034	Cái	10	61.000	610.000	8	658.800
118	Gioăng phin lọc số	07002-13334	Cái	10	59.000	590.000	8	637.200

119	Gioăng ngăn kéo	07002-13634	Cái	72	61.000	4.392.000	8	4.743.360
120	Gioăng ngăn kéo	07002-15234	Cái	30	69.000	2.070.000	8	2.235.600
121	Gioăng đường ống	07002-21023	Cái	10	96.000	960.000	8	1.036.800
122	Gioăng ngăn kéo	07002-21423	Cái	14	95.000	1.330.000	8	1.436.400
123	Gioăng bơm thủy lực	07002-62434	Cái	15	118.000	1.770.000	8	1.911.600
124	Gioăng ngăn kéo	07002-63634	Cái	15	160.000	2.400.000	8	2.592.000
125	Gioăng đường dầu	07003-01015	Cái	10	27.000	270.000	8	291.600
126	Phốt	07012-00050	Cái	10	255.000	2.550.000	8	2.754.000
127	Phốt đầu trục quả dứa	07012-50150	Cái	4	2.978.000	11.912.000	8	12.864.960
128	Xéc măng đồng	07018-20353	Cái	4	1.649.000	6.596.000	8	7.123.680
129	Xéc măng đồng	07018-20753	Cái	4	2.716.000	10.864.000	8	11.733.120
130	Nút bịt đường nước mặt máy	07043-70108	Cái	12	65.000	780.000	8	842.400
131	Nút bịt đường nước mặt máy	07043-70312	Cái	6	109.000	654.000	8	706.320
132	Bu lông đường nước hồi MM	07206-30710	Cái	25	149.000	3.725.000	10	4.097.500
133	Ống cao su	07260-25820	Cái	4	902.000	3.608.000	8	3.896.640
134	Ống cao su đường hút bom quạt	07260-25822	Cái	2	1.031.000	2.062.000	8	2.226.960
135	Ống CS đường nối ống dầu ben	07260-27422	Cái	10	1.491.000	14.910.000	8	16.102.800
136	Cao su ống nối	07332-51000	Cái	10	923.000	9.230.000	8	9.968.400
137	Cao su ống nối	07332-52000	Cái	10	1.102.000	11.020.000	8	11.901.600
138	Cao su ống nối	07332-52400	Cái	5	2.608.000	13.040.000	8	14.083.200
139	Phốt chắn dầu	07430-71360	Cái	4	1.557.000	6.228.000	8	6.726.240
140	Trục chữ thập cát đăng sau (428-20-12620)	114-12002HD	Cụm	4	37.500.000	150.000.000	8	162.000.000
141	Bi chữ thập các đăng trước (421-20-32621)	114-9016D	Cụm	13	8.950.000	116.350.000	8	125.658.000
142	Nắp két nước	17A-03-42990	Cái	5	1.826.000	9.130.000	8	9.860.400
143	Gioăng mặt xoa nhỏ	180-27-11620	Cái	14	922.000	12.908.000	8	13.940.640
144	Gioăng mặt xoa to (198-27-11550)	198-27-12140	Cái	14	2.280.000	31.920.000	8	34.473.600
145	Cò bơm	209-68-11230	Cái	1	8.320.000	8.320.000	8	8.985.600
146	Cao su chân máy	21N-01-11120	Cái	12	5.513.000	66.156.000	8	71.448.480

147	Bình chứa nước làm mát động cơ (PC1250)	21N-03-31491	Cái	3	7.052.000	21.156.000	8	22.848.480
148	Vòng bi truyền động quay toa (PC1250)	22326CAME4C3S11	Cái	1	36.000.000	36.000.000	8	38.880.000
149	Vòng bi truyền động quay toa (PC1250)	23124CAME4C3S11	Cái	1	13.500.000	13.500.000	8	14.580.000
150	Vòng bi	281-13-31180	Cái	2	8.631.000	17.262.000	8	18.642.960
151	Cao su giảm chấn bánh đà Đ/cơ	285-01-12411	Cái	40	1.850.000	74.000.000	8	79.920.000
152	Công tắc áp suất phanh rà	418-43-37681	Cái	3	4.350.000	13.050.000	8	14.094.000
153	Cảm biến áp suất phanh rà	421-06-35111	Cái	3	17.500.000	52.500.000	8	56.700.000
154	Lọc gió điều hoà	426-07-32442	Cái	16	1.594.000	25.504.000	8	27.544.320
155	Còi điện	427-06-21211	Cái	4	9.215.000	36.860.000	8	39.808.800
156	Gioăng cao su	428-22-11260	Cái	3	935.000	2.805.000	8	3.029.400
157	Van phanh đỗ	42C-60-18230	Cái	3	15.900.000	47.700.000	8	51.516.000
158	Vòng bi (6245-61-3960)	4FJL-4520L	Cái	10	1.040.000	10.400.000	8	11.232.000
159	Vòng bi (6162-64-3910)	4RNA6906	Vòng	6	2.134.000	12.804.000	8	13.828.320
160	Phốt chắn bụi	561-50-61370	Cái	4	3.996.000	15.984.000	8	17.262.720
161	Bộ gioăng phốt piston phanh trước	566-32-05211	Bộ	4	11.286.000	45.144.000	8	48.755.520
162	Van bình tích năng	566-43-82810	Cái	8	59.500.000	476.000.000	8	514.080.000
163	Măng xéc	566-50-6A410	Cái	20	4.198.000	83.960.000	8	90.676.800
164	Vòng bi	568-13-13351	Cái	3	9.008.000	27.024.000	8	29.185.920
165	Gioăng cao su	568-33-11440	Cái	3	1.447.000	4.341.000	8	4.688.280
166	Vòng bi giảm chấn bánh đà (569-01-12491)	569-01-12492	Vòng	5	1.608.000	8.040.000	8	8.683.200
167	Phốt bích giảm chấn	569-01-12912	Cái	4	1.019.000	4.076.000	8	4.402.080
168	Cao su giảm chấn bánh đà Đ/cơ	569-01-62410	Cái	30	2.680.000	80.400.000	8	86.832.000
169	Cao su chân máy	569-01-81130	Cái	8	3.573.000	28.584.000	8	30.870.720
170	Ống nước hồi	569-03-88431	Cái	2	4.084.000	8.168.000	8	8.821.440
171	Bình nước rửa kính	569-06-61150	Cái	2	9.520.000	19.040.000	8	20.563.200
172	Rơ le	569-06-61960	Cái	6	1.155.000	6.930.000	8	7.484.400
173	Rơ le	569-06-61970	Cái	4	1.149.000	4.596.000	8	4.963.680

174	Bộ Kit gioăng phốt biến mô	569-13-05030	Cái	2	19.624.000	39.248.000	8	42.387.840
175	Cao su chân hộp số sau	569-14-41130	Cái	2	5.360.000	10.720.000	8	11.577.600
176	Gioăng K3 (569- 15-05120)	569-15-05140	Bộ	3	3.298.000	9.894.000	8	10.685.520
177	Gioăng tròn	569-15-59110	Cái	2	1.955.000	3.910.000	8	4.222.800
178	Vòng bi giảm tốc cạnh	569-22-72520	Vòng	18	8.500.000	153.000.000	8	165.240.000
179	Van phanh rà	569-43-83171	Cái	3	42.000.000	126.000.000	8	136.080.000
180	Giá đỡ lắp phin lọc của bình dầu thủy lực	569-43-83911	Cái	2	20.000.000	40.000.000	8	43.200.000
181	Măng xéc	569-50-11241	Cái	4	4.123.000	16.492.000	8	17.811.360
182	Bạc phíp DH piston	569-50-12180	Cái	4	7.892.000	31.568.000	8	34.093.440
183	Phốt chắn bụi	569-50-61230	Cái	7	3.414.000	23.898.000	8	25.809.840
184	Bạc dẫn hướng xylanh giảm xóc	569-50-6A181	Cái	7	17.559.000	122.913.000	8	132.746.040
185	Phốt chắn bụi	569-50-82410	Cái	4	5.314.000	21.256.000	8	22.956.480
186	Cụm van điều khiển ben	56B-43-12402	Cái	4	53.100.000	212.400.000	8	229.392.000
187	Van hằng nhiệt nước làm mát động cơ (600- 421-6630)	600-421-6630FS	Cái	8	2.088.000	16.704.000	8	18.040.320
188	Máy đề (600-813- 7152)	600-813-7153	Cụm	4	34.077.000	136.308.000	8	147.212.640
189	Ca trong vòng bi	6127-61-3920	Cái	2	2.850.000	5.700.000	8	6.156.000
190	Phốt cụm lai máy phát	6151-71-3150	Cái	9	620.000	5.580.000	8	6.026.400
191	Nút bịt đường nước mặt máy	6162-13-1150	Cái	112	130.000	14.560.000	8	15.724.800
192	Xéc măng cổ xả tăng áp động cơ	6162-13-5480	Cái	8	544.000	4.352.000	8	4.700.160
193	Phốt puli trung gian	6162-64-3930	Cái	6	284.000	1.704.000	8	1.840.320
194	Gioăng	6162-64-3940	Cái	8	1.668.000	13.344.000	8	14.411.520
195	Bu lông bắt tăng áp động cơ	6166-11-9910	Cái	14	637.000	8.918.000	10	9.809.800
196	Van hằng nhiệt dầu	6212-65-2610	Cái	10	1.159.000	11.590.000	8	12.517.200
197	Bu lông đường nước mặt máy	6215-11-6560	Cái	4	382.000	1.528.000	10	1.680.800
198	Cảm biến	6219-81-1961	Cái	5	1.310.000	6.550.000	8	7.074.000
199	Đệm cổ xả tăng áp động cơ	6240-11-5920	Cái	5	884.000	4.420.000	8	4.773.600
200	Phốt trục cơ (6240-29-4250)	6240-21-4250	Cái	1	9.596.000	9.596.000	8	10.363.680

201	Gioăng nắp con đội	6240-21-6450	Cái	4	636.000	2.544.000	8	2.747.520
202	Xi lanh động cơ	6240-21-2220	Cái	30	12.500.000	375.000.000	8	405.000.000
203	Xie xupap hút động cơ	6240-11-1330	Cái	120	1.658.000	198.960.000	8	214.876.800
204	Xie xupap xả động cơ	6245-11-1320	Cái	120	2.085.000	250.200.000	8	270.216.000
205	Xéc măng HD465-7	6240-31-2030	Bộ	18	5.287.000	95.166.000	8	102.779.280
206	Piston 465-7	6240-31-2111	Quả	18	23.148.000	416.664.000	8	449.997.120
207	Xupap hút động cơ	6240-41-4110	Cái	120	1.784.000	214.080.000	8	231.206.400
208	Xu páp xả (6240-41-4210)	6240-41-4220	Cái	120	3.100.000	372.000.000	8	401.760.000
209	Móng hãm xu páp	6240-41-4520	Cái	480	71.000	34.080.000	8	36.806.400
210	Bơm dầu động cơ	6240-51-1100	Cái	9	33.000.000	297.000.000	8	320.760.000
211	Bơm nước động cơ	6240-61-1106	Cái	6	33.500.000	201.000.000	8	217.080.000
212	Bộ gioăng K1 HD465-7	6241-K1-9900	Bộ	3	41.740.000	125.220.000	8	135.237.600
213	Bộ gioăng K2 HD465-7	6241-K2-9900	Bộ	3	32.040.000	96.120.000	8	103.809.600
214	Bộ gioăng K6 bơm nước	6241-K6-9900	Bộ	4	7.704.000	30.816.000	8	33.281.280
215	Tuy ô đường nước mặt máy	6245-11-6510	Cái	2	2.795.000	5.590.000	10	6.149.000
216	Gioăng nắp con đội	6245-21-6420	Cái	3	360.000	1.080.000	8	1.166.400
217	Xéc măng HD465-7R	6245-31-2010	Bộ	36	5.529.000	199.044.000	8	214.967.520
218	Piston động cơ	6245-31-2110	Cái	12	22.310.000	267.720.000	8	289.137.600
219	Bộ gioăng phốt động cơ K1	HD465-7R-K1	Bộ	8	44.050.000	352.400.000	8	380.592.000
220	Bộ gioăng phốt động cơ K2	HD465-7R-K2	Bộ	8	42.500.000	340.000.000	8	367.200.000
221	Ống dầu	6245-51-8140	Cái	1	4.389.000	4.389.000	10	4.827.900
222	Ống dầu bằng gang đúc của động cơ	6245-51-8160	Cái	1	6.200.000	6.200.000	10	6.820.000
223	Phốt tăng đai quạt gió	6245-61-3970	Cái	8	382.000	3.056.000	8	3.300.480
224	Ống dầu mặt máy	6245-71-5111	Cái	1	3.886.000	3.886.000	10	4.274.600
225	Ống dầu mặt máy	6245-71-5131	Cái	1	3.886.000	3.886.000	10	4.274.600
226	Ống dầu mặt máy	6245-71-5141	Cái	1	3.749.000	3.749.000	10	4.123.900
227	Ống dầu mặt máy	6245-71-5151	Cái	1	3.749.000	3.749.000	10	4.123.900
228	Ống dầu mặt máy	6245-71-5161	Cái	1	3.791.000	3.791.000	10	4.170.100
229	Tuy ô dầu	6245-71-5181	Cái	2	2.264.000	4.528.000	10	4.980.800

230	Bơm cấp nhiên liệu (bơm điện)	6245-71-8111	Cái	2	23.000.000	46.000.000	8	49.680.000
231	Dây điện vòi phun	6245-81-9110	Cái	6	9.683.000	58.098.000	8	62.745.840
232	Cảm biến tốc độ động cơ	6261-81-2902	Cái	2	2.230.000	4.460.000	8	4.816.800
233	Vòng bi bơm nước	6316ZZCM	Cái	5	3.000.000	15.000.000	8	16.200.000
234	Tăng áp động cơ (HD465-7)	6240-81-8600	Cái	2	139.000.000	278.000.000	8	300.240.000
235	Dung dịch làm mát máy nén khí	38459582	Lít	400	650.000	260.000.000	10	286.000.000
236	Gioăng bơm thủy lực	700-80-61260	Cái	80	24.000	1.920.000	8	2.073.600
237	Gioăng ngăn kéo	700-93-11320	Cái	23	62.000	1.426.000	8	1.540.080
238	Phốt chia dầu di chuyển	703-11-95120	Cái	12	900.000	10.800.000	8	11.664.000
239	Gioăng ngăn kéo	706-66-40460	Cái	11	33.000	363.000	8	392.040
240	Phốt mô tơ quay toa	706-8J-41420	Cái	4	3.757.000	15.028.000	8	16.230.240
241	Cần nhựa bình tích áp	707-35-91020	Cái	18	480.000	8.640.000	8	9.331.200
242	Măng xéc phụ	707-51-16650	Cái	20	3.366.000	67.320.000	8	72.705.600
243	Măng xéc phụ	707-51-18650	Cái	6	5.050.000	30.300.000	8	32.724.000
244	Bộ gioăng phốt xi lanh tay cần	707-98-85320	Cái	2	30.685.000	61.370.000	8	66.279.600
245	Bộ gioăng cần PC850	707-99-68470	Cái	2	20.650.000	41.300.000	8	44.604.000
246	Gioăng phốt piton lên ben	707-99-73800	Bộ	6	17.800.000	106.800.000	8	115.344.000
247	Bộ gioăng phốt xi lanh nâng cần	707-99-78740	Cái	2	27.497.000	54.994.000	8	59.393.520
248	Phốt bơm thủy lực số 1,2	708-25-52861	Cái	8	2.368.000	18.944.000	8	20.459.520
249	Gioăng bơm thủy lực	708-25-62361	Cái	10	581.000	5.810.000	8	6.274.800
250	Phốt bơm thủy lực số 3	708-27-22811	Cái	5	3.278.000	16.390.000	8	17.701.200
251	Gioăng van bơm thủy lực	708-2L-25490	Cái	15	91.000	1.365.000	8	1.474.200
252	Gioăng ngăn kéo	709-14-11760	Cái	3	771.000	2.313.000	8	2.498.040
253	Vòng bi	711-20-11550	Cái	3	6.786.000	20.358.000	8	21.986.640
254	Vòng gioăng tích áp	721-47-12021	Cái	18	2.813.000	50.634.000	8	54.684.720
255	Phốt bình tích áp	721-47-12080	Cái	18	3.104.000	55.872.000	8	60.341.760
256	Bộ gioăng xy lanh lái	721-98-00210	Bộ	10	6.500.000	65.000.000	8	70.200.000
257	Cảm biến tốc độ động cơ	7861-93-2330	Cái	5	3.720.000	18.600.000	8	20.088.000
258	Keo tạo gioăng	790-129-9170	Hộp	25	757.000	18.925.000	10	20.817.500

259	Vòng bi quả dứa to	HH923649/HH923610	Vòng	3	41.000.000	123.000.000	8	132.840.000
260	Vòng bi quả dứa nhỏ	HH926749/HH926710	Vòng	3	31.000.000	93.000.000	8	100.440.000
261	Vòng bi máy phát	KD0-09201-1400	Vòng	2	2.530.000	5.060.000	8	5.464.800
262	Tiết chế máy phát	KD0-35719-0182	Cái	2	12.920.000	25.840.000	8	27.907.200
263	Moto bơm nước rửa kính	ND060210-1470	Cái	20	1.164.000	23.280.000	8	25.142.400
264	Bơm cấp nhiên liệu (bơm tay)	ND092130-0360	Cái	2	911.000	1.822.000	8	1.967.760
265	Van định áp	ND095420-0440	Cái	3	7.289.000	21.867.000	8	23.616.360
266	Kết mát dầu động cơ	6240-61-2111	Cụm	4	21.580.000	86.320.000	8	93.225.600
267	Cảm biến commonrail	ND499000-6160	Cái	8	6.350.000	50.800.000	8	54.864.000
268	Van điện từ ben	UC1100676511	Cái	2	13.200.000	26.400.000	8	28.512.000
269	Phốt chắn dầu đầu trục cơ	6245-21-3121	Cái	2	4.852.000	9.704.000	8	10.480.320
270	Gioăng	07002-62034	Cái	27	128.000	3.456.000	8	3.732.480
271	Gioăng tròn	6354-81-5670	Cái	10	170.000	1.700.000	8	1.836.000
272	Phốt	208-26-61291	Cái	3	2.718.000	8.154.000	8	8.806.320
273	Gioăng	07000-12015	Cái	10	26.000	260.000	8	280.800
274	Bạc phíp	07155-01025	Cái	4	607.000	2.428.000	8	2.622.240
275	Gioăng tròn	02896-61012	Cái	5	57.000	285.000	8	307.800
276	Phíp dẫn hướng	21N-30-14170	Cái	5	995.000	4.975.000	8	5.373.000
277	Phíp dẫn hướng	07155-01640	Cái	5	1.226.000	6.130.000	8	6.620.400
278	Phíp dẫn hướng	21N-30-14160	Cái	5	1.023.000	5.115.000	8	5.524.200
279	Phốt dẫn hướng	21N-30-14180	Cái	5	769.000	3.845.000	8	4.152.600
280	Gioăng tròn	208-26-71380	Cái	5	1.182.000	5.910.000	8	6.382.800
281	Gioăng tròn	07000-15390	Cái	5	313.000	1.565.000	8	1.690.200
282	Gioăng đường hút	07000-B2140	Cái	7	306.000	2.142.000	8	2.313.360
283	Gioăng	07002-63034	Cái	10	154.000	1.540.000	8	1.663.200
284	Gioăng đầu bơm	07000-E5270	Cái	5	1.150.000	5.750.000	8	6.210.000
285	Bộ gioăng phốt xylanh gầu	707-99-72390	Bộ	2	24.994.000	49.988.000	8	53.987.040
286	Gioăng mô tơ di chuyển	209-27-71370	Cái	5	1.133.000	5.665.000	8	6.118.200
287	Bộ kit gioăng mô tơ di chuyển	KBB044A-51159	Bộ	3	12.160.000	36.480.000	8	39.398.400
288	Gioăng	07000-B2085	Cái	5	240.000	1.200.000	8	1.296.000
289	Gioăng	07000-B2120	Cái	5	281.000	1.405.000	8	1.517.400

290	Phốt piston tăng xích	209-30-15230	Cái	5	869.000	4.345.000	10	4.779.500
291	Phốt đầu trục cơ	6711-29-3521	Cái	2	3.803.000	7.606.000	8	8.214.480
292	Gioăng các te	6210-21-5820	Cái	2	2.564.000	5.128.000	8	5.538.240
293	Phốt chắn bụi	6245-21-3111	Cái	2	2.545.000	5.090.000	10	5.599.000
294	Bu lông	07206-31014	Cái	10	320.000	3.200.000	10	3.520.000
295	Bu lông các đăng	566-20-41220	Cái	25	382.000	9.550.000	10	10.505.000
296	Gioăng	ND095444-0020	Cái	3	41.000	123.000	8	132.840
297	Bu lông	01435-00630	Cái	5	14.000	70.000	10	77.000
298	Cảm biến ga	22U-06-22380	Cái	3	2.136.000	6.408.000	8	6.920.640
299	Bạc dẫn hướng xylanh đóng mở gầu	707-52-91351	Bộ	2	11.205.000	22.410.000	10	24.651.000
300	Gioăng đường dầu tăng áp	6151-51-8161	Cái	5	69.000	345.000	8	372.600
301	Đệm	6151-51-8151	Cái	5	71.000	355.000	8	383.400
302	Gioăng đường dầu tăng áp	6127-51-6822	Cái	5	84.000	420.000	8	453.600
303	Đệm	6261-11-9520	Cái	5	276.000	1.380.000	8	1.490.400
304	Đệm	6166-61-6341	Cái	5	162.000	810.000	8	874.800
305	Gioăng tròn	07000-02060	Cái	5	67.000	335.000	8	361.800
306	Bì puly trung gian	06340-06204	Cái	4	382.000	1.528.000	8	1.650.240
307	Đệm mặt dầu	6217-21-3251	Cái	3	3.186.000	9.558.000	8	10.322.640
308	Gioăng tròn	6221-81-6810	Cái	5	99.000	495.000	8	534.600
309	Gioăng tròn	6271-81-9220	Cái	5	280.000	1.400.000	8	1.512.000
310	Gioăng tròn	6150-21-1190	Cái	5	29.000	145.000	8	156.600
311	Đệm	6696-61-9921	Cái	5	184.000	920.000	8	993.600
312	Đệm sinh hàn	6210-61-2811	Cái	5	1.572.000	7.860.000	8	8.488.800
313	Gioăng sinh hàn	07000-73042	Cái	5	116.000	580.000	8	626.400
314	Gioăng sinh hàn	6210-61-2550	Cái	5	291.000	1.455.000	8	1.571.400
315	Gioăng	ND094086-0210	Cái	5	172.000	860.000	8	928.800
316	Gioăng bơm nhiên liệu	ND094086-0160	Cái	5	54.000	270.000	8	291.600
317	Đệm van hằng nhiệt	6210-61-6421	Cái	5	303.000	1.515.000	8	1.636.200
318	Đệm ống nước	6217-61-6340	Cái	5	758.000	3.790.000	8	4.093.200
319	Gioăng bơm nước	6261-61-1170	Cái	5	807.000	4.035.000	8	4.357.800
320	Gioăng	07000-A2021	Cái	5	82.000	410.000	8	442.800
321	Đệm cổ hút	6211-11-4821	Cái	5	595.000	2.975.000	8	3.213.000

322	Đệm ống hút	6261-11-7450	Cái	5	220.000	1.100.000	8	1.188.000
323	Gioăng tròn	7861-91-4220	Cái	5	187.000	935.000	8	1.009.800
324	Đệm	6261-21-1970	Cái	5	262.000	1.310.000	8	1.414.800
325	Gioăng tròn	ND094086-0200	Cái	5	92.000	460.000	8	496.800
326	Phốt	ND094087-0050	Cái	5	629.000	3.145.000	8	3.396.600
327	Đệm ống nước	6210-61-6441	Cái	5	206.000	1.030.000	8	1.112.400
328	Đệm tubo	6261-11-5850	Cái	5	536.000	2.680.000	8	2.894.400
329	Đệm	6251-21-3231	Cái	5	121.000	605.000	8	653.400
330	Đệm	ND949010-2530	Cái	5	14.000	70.000	8	75.600
331	Đệm ống nước	6217-61-6330	Cái	5	1.279.000	6.395.000	8	6.906.600
332	Đệm	ND092125-0010	Cái	5	13.000	65.000	8	70.200
333	Bộ gioăng xl nâng cần	707-99-76360	Cái	2	26.522.000	53.044.000	8	57.287.520
334	Gioăng	07000-A2120	Cái	2	284.000	568.000	8	613.440
335	Gioăng	07000-E5185	Cái	2	990.000	1.980.000	8	2.138.400
<b>Tổng giá dự toán sau thuế</b>								<b>9.861.093.100</b>



**Phụ lục**

**BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số 37..ngày 04tháng01năm 2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2025(GT03)	9.861.093.100	Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 1 năm 2025	Theo đơn giá cố định	11 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực	Không	Không

Bảng chữ: Chín tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm đồng ./.